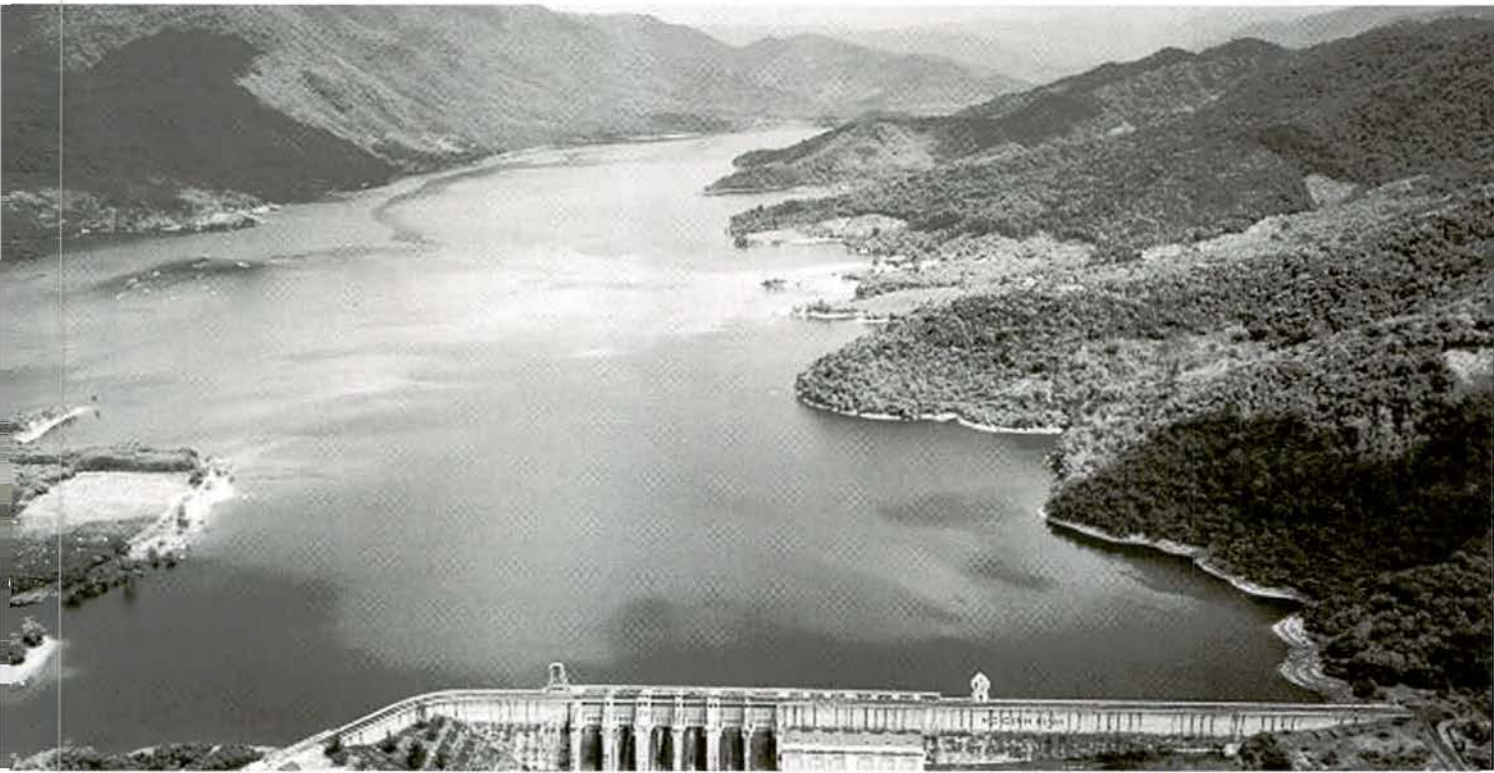


Cần hành động để thay đổi cách khai thác, sử dụng và quản lý nguồn nước

○ NGUYỄN MẠNH HÙNG
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Nước là yếu tố lớn nhất quyết định tới mục tiêu và chỉ tiêu trong Chương trình nghị sự 2030 về Phát triển bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu. Cuộc khủng hoảng nước và vệ sinh môi trường hiện hữu ngày nay là mối đe dọa, rủi ro rất lớn trong cuộc sống con người. Tuy nhiên, nước không chỉ mang đến cho chúng ta những thách thức, mà còn mang đến cho chúng ta nhiều cơ hội lớn. Nếu chúng ta hiểu rõ tầm quan trọng và mối liên kết hữu cơ của nước trong tự nhiên, nước trong cuộc sống, chúng ta sẽ đưa ra được giải pháp toàn diện.



Bức tranh tổng thể thực trạng tài nguyên nước

Nước ta có 108 lưu vực sông với khoảng 3.450 sông, suối có chiều dài từ 10 km trở lên. Tổng lượng nước mặt hằng năm khoảng 830-840 tỷ m³, trong đó hơn 60% lượng nước được sản sinh từ nước ngoài, chỉ có khoảng 310-320 tỷ m³ được sản sinh trên lãnh thổ Việt Nam. Tổng trữ lượng nước dưới đất tiềm năng trên toàn quốc khoảng 69 tỷ m³/năm (tương

đương 189 triệu m³/ngày), trong đó, nước ngọt khoảng 22,3 tỷ m³/năm (tương đương khoảng 61 triệu m³/ngày) phân bố ở 18 tầng chứa nước chính, chiều sâu phân bố từ vài mét đến vài trăm mét.

Theo thống kê sơ bộ trên toàn quốc, nguồn nước hiện đang được khai thác phục vụ cho các mục đích sử dụng khoảng 84 tỷ m³/năm, trong đó, từ nước dưới đất khoảng 3,8 tỷ m³/năm (tương đương 10,5 triệu

m³/ngày), nước mặt khai thác sử dụng khoảng 80,6 tỷ m³/năm (=221 triệu m³/ngày). Việc khai thác, sử dụng tập trung chủ yếu vào 7-9 tháng mùa khô. Trong đó, trên 80% lượng nước được sử dụng cho mục đích nông nghiệp (khoảng 65 tỷ m³/năm) và cơ cấu sử dụng nước đang có xu hướng tăng dần cho công nghiệp, thủy sản và sinh hoạt do nhu cầu phát triển KT-XH, đô thị hóa.

Nguồn nước phân bố không đều về không gian và thời gian trong khi đó, mùa mưa lượng nước được 80% nhưng về thời gian lại chỉ trong vòng 3-4 tháng. Tức là chỉ có 20% lượng nước trong vòng 6-7 tháng còn lại. Trong khi để sản xuất nông nghiệp, có những vùng như ở miền trung thì cả 2 vụ chính Đông Xuân và Hè Thu đều trong mùa khô. Như vậy, việc cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp - đối tượng tiêu thụ nước lớn nhất bắt buộc phải có các công trình thủy lợi. Vai trò của các công trình thủy lợi là điều tiết nước từ mùa mưa sang mùa khô. Tính đến nay, ở nước ta có khoảng 900 hệ thống thủy lợi có qui mô diện tích khoảng 200 ha trở lên trong đó, có khoảng 122 hệ thống thủy lợi vừa và lớn và với diện tích phục vụ hơn 2.000 ha trở lên.

Đối với về hệ thống thủy lợi hiện nay, trung bình các năm với điều kiện nước bình thường, không xảy ra tình trạng thiếu cực đoan thì tưới ổn định cho khoảng 7,3 triệu ha đất gieo trồng lúa; 1,5 triệu ha cây rau màu và cây công nghiệp và cấp khoảng 6 tỷ m³ nước phục vụ sinh hoạt và hoạt động công nghiệp. Có thể nói rằng, nguồn nước này đóng vai trò rất quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đa dạng hoá cây trồng và nâng cao hiệu quả, góp phần rất lớn cho các vùng ở nông thôn nhất là nhiệm vụ xoá đói giảm nghèo.

Do điều kiện tự nhiên, chúng ta phải thường xuyên đối mặt với các thiệt hại và rủi ro thiên tai nghiêm trọng. Bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt; sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn, cháy rừng,... sẽ là những thách thức khách quan rất lớn bên cạnh những yếu tố chủ quan cho vấn đề an ninh nguồn nước

hiện nay. Cùng với đó, tại mỗi địa phương chịu thách thức riêng về nguồn nước và vấn đề chúng ta không kiểm soát được dòng chảy trong và ngoài lãnh thổ.

Thay đổi nhận thức và hành động trong quản lý, sử dụng tài nguyên nước

Việt Nam luôn xác định “nước là tài nguyên đặc biệt quan trọng, là thành phần thiết yếu của sự sống và môi trường, quyết định sự tồn tại, phát triển bền vững của đất nước”. Hiến pháp Việt Nam đã quy định “nước là tài sản”. Các chính sách, thể chế về TNN đang được hoàn thiện là cơ sở để quản lý một cách bài bản và có tầm nhìn xa.

Điển hình, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 36-KL/TW về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Chính phủ cũng tăng cường công tác triển khai các hoạt động hướng đến đảm bảo an ninh nguồn nước; cải tạo, phục hồi các suy thoái cạn kiệt, ô nhiễm; khai thác sử dụng, bảo vệ TNN phải phù hợp với chức năng và khả năng đáp ứng của nguồn nước, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước. Trong đó, mới đây nhất là việc Chính phủ ban hành Quy hoạch TNN quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Hồng, sông Cửu Long,... Quy hoạch được kỳ vọng sẽ tạo ra những đột phá, thay đổi trong công tác cải tạo, phục hồi các dòng sông ô nhiễm ở đô thị. Một trong những mục tiêu quan trọng của quy hoạch là “cải thiện, phục hồi các nguồn nước quan trọng bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm, ưu tiên các đoạn sông chảy qua khu vực dân cư tập trung, các nguồn nước có vai trò quan trọng cho cấp nước sinh

hoạt, các hoạt động phát triển KT-XH theo hướng xã hội hóa, đặc biệt là trên dòng chính sông Hồng, sông Cả, sông Vu Gia - Thu Bồn và sông Ba. Đến năm 2030, chúng ta phải hoàn thành việc lập, công bố hành lang bảo vệ nguồn nước, đảm bảo lưu thông dòng chảy, phòng, chống sạt, lở bờ, bãi sông, giảm thiểu tác hại do nước gây ra.

Quy hoạch cũng đề ra kế hoạch cải thiện, phục hồi hàng loạt dòng sông, đoạn sông bị suy thoái, cạn kiệt và ô nhiễm có vai trò quan trọng trong việc cấp nước, duy trì bảo vệ hệ sinh thái thủy sinh. Ưu tiên thực hiện đối với sông Cầu, sông Ngũ Huyện Khê, sông Nhuệ, sông Đáy, sông Bắc Hưng Hải thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng; sông Vu Gia, hạ lưu sông Trà Khúc sau đập Thạch Nham thuộc vùng Duyên hải miền Trung; thượng lưu sông Ba sau đập An Khê thuộc vùng Tây Nguyên và khu vực hạ lưu sông Đồng Nai thuộc vùng Đông Nam Bộ.

Nhìn chung, các Quy hoạch được phê duyệt, nhằm mục tiêu bảo đảm an ninh nguồn nước trên lưu vực sông; tích trữ, điều hòa, phân bổ TNN một cách công bằng, hợp lý; khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả gắn với bảo vệ, phát triển bền vững TNN nhằm đáp ứng nhu cầu nước cho dân sinh, phát triển KT-XH, bảo đảm QP-AN, BVMT. Cùng với đó, Chính phủ cũng đặt ra yêu cầu đổi mới, kiện toàn các Ủy ban lưu vực sông, triển khai quyết liệt, hiệu quả các giải pháp trong quy hoạch đồng bộ. Và như vậy, chúng ta hoàn toàn có thể hy vọng về một với những dòng sông trong lành làm đẹp cảnh quan đồng thời mang lại nguồn nước cho hoạt động sinh hoạt và sản xuất. ■